

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Gói thầu: Mua xe ô tô.

*Địa điểm thực hiện/ địa điểm giao hàng: Văn phòng HĐND&UBND xã Việt An
Nguồn vốn. Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Việt An*

Loại hợp đồng: trọn gói

Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày

Phương thức đấu thầu: 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Xe mới 100%, sản xuất năm 2024 trở lại đây

- Thông số kỹ thuật: Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật (tối thiểu) và có sự khác biệt không quá 1% theo tiêu chuẩn sau:

TT	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
I	YÊU CẦU CHUNG	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô, máy xăng, số tự động, nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái Lan hoặc tương đương
2	Số lượng xe	01 xe
3	Chất lượng, năm sản xuất	Mới 100%, sản xuất năm 2024.
4	Màu xe	Màu đen
5	Bảo hành	Tối thiểu 36 tháng hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
6	Xuất xứ	Nhập khẩu nguyên chiếc Thái Lan hoặc tương đương
7	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
II	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1.1	Kích thước tổng thể (DàiRộngxCao)	4,840 x 1,815 x 1,835 mm
1.2	Khoảng cách hai cầu xe (Chiều dài cơ sở)	2,800 mm
1.3	Khoảng cách hai bánh xe trước	1,520 mm
1.4	Khoảng cách hai bánh xe sau	1,515 mm
1.5	Bán kính quay vòng tối thiểu	5.600 mm
1.6	Khoảng sáng gầm xe	218 mm
1.7	Trọng lượng toàn tải	2,670 Kg
1.8	Số chỗ ngồi	7

2	ĐỘNG CƠ VÀ VẬN HÀNH	
2.1	Loại động cơ	Xăng, 6B31 MIVEC
2.2	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng đa điểm điều khiển điện tử
2.3	Dung tích xylanh	2,998 cc
2.4	Công suất cực đại	210/6,000 PS/rpm
2.5	Mômen xoắn cực đại	279/4,000 N.m/rpm
3	ĐỘNG CƠ VÀ VẬN HÀNH	
3.1	Hộp số	Hộp số tự động 8 cấp - chế độ thể thao
3.2	Truyền động	Dẫn động 2 cầu Super Select 4WD II
3.3	Trợ lực lái	Trợ lực dầu
3.4	Hệ thống treo trước	Độc lập, tay nhún kép, lò xo cuộn với thanh cân bằng
3.5	Hệ thống treo sau	Lò xo liên kết 3 điểm với thanh cân bằng
3.6	Kích thước lốp xe trước/sau	265/60R18
3.7	Phanh trước	Đĩa thông gió
3.8	Phanh sau	Đĩa thông gió
4	NGOẠI THẤT	
4.1	Lưới tản nhiệt	Viên mạ bạc
4.2	Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước	LED dạng thấu kính
4.3	Đèn sương mù phía trước LED	Dạng Halogen
4.4	Đèn LED chiếu sáng ban ngày	Có
4.5	Đèn báo phanh thứ ba trên cao	LED
4.6	Hệ thống điều chỉnh độ cao đèn chiếu sáng	Tự động
4.7	Kính chiếu hậu	Chỉnh điện / gập điện, mạ crôm, tích hợp đèn báo rẽ
4.8	Tay nắm cửa ngoài	Mạ chrome
4.9	Gạt nước kính trước	Gạt mưa gián đoạn 2 tốc độ
4.10	Gạt nước kính sau	Có
4.11	Sưởi kính sau	Có
4.12	Giá đỡ hành lý trên nui xe	Có
4.13	Ăng-ten vây cá	Có
4.14	Cánh lướt gió đuôi xe	Có
5	NỘI THẤT	
5.1	Vô lăng và cần số bọc da	Có
5.2	Vô lăng điều chỉnh 4 hướng	Có
5.3	Đàm thoại rảnh tay và điều khiển bằng giọng nói	Có

5.4	Nút điều khiển âm thanh trên vô lăng	Có
5.5	Màn hình hiển thị đa thông tin	Có
5.6	Chìa khoá thông minh (KOS)	Có
5.7	Khởi động bằng nút bấm (OSS)	Có
5.8	Hệ thống ga tự động	Có
5.9	Lẫy sang số trên vô lăng	Có
5.10	Phanh tay điện tử & Giữ phanh tự động	
5.11	Điều hoà nhiệt độ	Hai vùng độc lập
5.12	Lọc gió điều hoà	Có
5.13	Chất liệu ghế	Da
5.14	Ghế người lái	Chỉnh điện - 8 hướng, Đệm tựa lưng
5.15	Ghế hành khách trước	Chỉnh tay
5.16	Hàng ghế thứ hai gập 60:40	Có
5.17	Tay nắm cửa trong mạ crôm	Có
5.18	Kính cửa điều khiển điện	Kính cửa điều chỉnh một chạm lên, xuống, chống kẹt
5.19	Tựa tay hàng ghế sau với giá đỡ ly	Có
5.20	Hệ thống giải trí (Hệ thống âm thanh)	Màn hình cảm ứng 8inch <small>8inch Bluetooth/Radio/ Android Auto, Apple CarPlay</small>
5.21	Cổng nguồn điện 220V-150W	Có
5.22	Số lượng loa	6
6	AN TOÀN	
6.1	Túi khí an toàn	03 túi khí
6.2	Cơ cấu căng đai tự động	Hàng ghế trước
6.3	Hệ thống kiểm soát hành trình (Cruise Control)	Có
6.4	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSW)	Có
6.5	Hệ thống chống tăng tốc ngoài ý muốn (UMS)	Có
6.7	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi xe (RCTA)	Có
6.8	Camera toàn cảnh 360	Có
6.9	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
6.10	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
6.11	Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
6.12	Hệ thống cân bằng điện tử & kiểm soát lực kéo (ASTC)	Có
6.13	Hệ thống khởi hành ngang dốc (HSA)	Có
6.14	Hệ thống hỗ trợ xuống dốc (HDC)	Có

6.15	Chế độ lựa chọn địa hình off-road	Có
6.16	Hệ thống kiểm soát chân ga khi phanh	Có
6.16	Chìa khoá mã hoá chống trộm	Có
6.17	Cảm biến lùi sau xe	Có
6.18	Chốt cửa tự động	Có
III	CÁC TRANG THIẾT BỊ KÈM THEO XE	
1	Lốp dự phòng	Có
2	Tay kích	Có
3	Tuýp tháo lốp	Có
4	Sổ tay bảo hành điện tử theo ứng dụng	Có
5	Sổ hướng dẫn sử dụng xe bằng tiếng Việt:	Có

Bất kỳ tên sản phẩm, thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu (nhưng không được khác biệt quá 1% trên tổng các tiêu chí yêu cầu về đặc tính kỹ thuật) và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. Các thuật ngữ miêu tả thông số kỹ thuật minh họa bằng tiếng nước ngoài dịch sang tiếng Việt sẽ dẫn đến sai bản chất nên Bên mời thầu giữ nguyên.

3. Các yêu cầu khác: Không

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư sẽ thành lập đoàn giám sát quá trình cung cấp và nghiệm thu theo các Tiêu chuẩn của nhà sản xuất và TCVN.

- Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến sai sót trong quá trình cung cấp, sai khác so với yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT, thay thế hàng hóa để có thể nghiệm thu.